

**BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**

\*\*\*\*\*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
TIẾNG TRUNG GIAO TIẾP 1**

**Số tín chỉ: 04**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành đào tạo: Việt Nam học**

**Năm 2022**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành đào tạo: Việt Nam học**

- Tên học phần:** Tiếng Trung giao tiếp 1
- Mã học phần:** TTRUNG 009
- Số tín chỉ:** 4(4,0)
- Trình độ:** Sinh viên đại học năm thứ 1 (kỳ I)
- Phân bổ thời gian**
  - Lên lớp: 60 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành
  - Tự học: 120 giờ
- Điều kiện tiên quyết:** Không
- Giảng viên**

ST T	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.158	nguyenhola11180@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	nguyenlan8078@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com

**8. Mô tả nội dung của học phần**

Học phần Tiếng Trung giao tiếp 1 dành cho sinh viên mới bắt đầu học tiếng Trung. Học phần gồm 15 bài, nội dung các bài cung cấp kiến thức về ngữ âm tiếng Trung Quốc; các từ vựng, các cụm từ liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hằng ngày. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp tương ứng với nội dung từng bài trong học phần. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố vốn từ vựng, các cấu trúc câu tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

**9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**9.1. Mục tiêu**

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng mục tiêu CTĐT
MT1	<b>Kiến thức</b>		
MT1.1	Trình bày kiến thức về các nội dung sau: Ngữ âm: Thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, biến điệu trong tiếng Hán; quy tắc phiên âm; các nét cơ bản và	3	[1.2.1.1.b]

<b>Mục tiêu</b>	<b>Mô tả mục tiêu</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Đáp ứng mục tiêu CTĐT</b>
	biến thể của chữ Hán; quy tắc viết chữ Hán.		
MT1.2	- Bài đọc: Từ vựng, cụm từ, mẫu câu liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong học phần: Chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, hỏi địa điểm, đồ ăn, đồ uống, gia đình, học tập, mua đồ, hoạt động hằng ngày, miêu tả sự vật. - Ngữ pháp: Các cấu trúc câu và các hiện tượng ngữ pháp liên quan đến nội dung bài học.	3	[1.2.1.1.b]
<b>MT2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
MT2.1	Đọc hiểu được nội dung các đoạn hội thoại, đoạn văn trong học phần.	3	[1.2.2.4]
MT2.2	Sử dụng thành thạo từ vựng, cấu trúc câu để biểu đạt được nội dung về các chủ đề giao tiếp hằng ngày trong học phần.	3	[1.2.2.4]
<b>MT3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[1.2.3.1]

## 9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

<b>CDR học phần</b>	<b>Mô tả CDR học phần</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Đáp ứng CDR của CTĐT</b>
<b>CDR1</b>	<b>Kiến thức</b>		
CDR1.1	Trình bày được cách phát âm của thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, biến điệu trong tiếng Hán; quy tắc phiên âm; các nét cơ bản và biến thể của chữ Hán; quy tắc viết chữ Hán.	3	[2.1.2]
CDR1.2	Liệt kê được các từ vựng thuộc các chủ đề giao tiếp: Chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, hỏi địa điểm, đồ ăn, đồ uống, gia đình, học tập, mua đồ, hoạt động hằng ngày, miêu tả sự vật.	3	[2.1.2]
CDR1.3	Trình bày được từ loại, nghĩa, cách phát âm của từ	3	[2.1.2]

<b>CĐR học phần</b>	<b>Mô tả CĐR học phần</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Đáp ứng CĐR của CTĐT</b>
	vựng trong học phần.		
CĐR1.4	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm ngữ pháp của câu hỏi dùng: 吗, 呢, 多, 几, 多少, đại từ nghi vấn, chính phủ, lựa chọn.	3	[2.1.2]
CĐR1.5	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm ngữ pháp của câu: Vị ngữ hình dung từ, vị ngữ chủ vị, câu chữ 有.	3	[2.1.2]
CĐR1.6	Xác định được ý nghĩa, vị trí đặc điểm của định ngữ và trợ từ kết cấu 的, trạng ngữ, giới từ 也 và 都, 在 và 给.	3	[2.1.2]
CĐR1.7	Trình bày được cách nói giá tiền, số tự nhiên, mã số, cụm số lượng, cụm từ chữ 的.	3	[2.1.2]
CĐR1.8	Phân biệt được cách dùng 一点儿 và 有一点儿, 还是 và 或者.	3	[2.1.2]
<b>CĐR2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
CĐR2.1	Viết đúng, nhớ mặt chữ và nghĩa các chữ Hán trong học phần.	3	[2.2.6]
CĐR2.2	Phát âm chuẩn và sử dụng đúng các từ vựng trong học phần để diễn đạt ý muốn nói; đặt câu, viết câu.	3	[2.2.6]
CĐR2.3	Sử dụng được các từ vựng, các hiện tượng ngữ pháp trong học phần để đọc hiểu và dịch được nội bài đọc ra tiếng Việt, hoàn thành bài tập.	3	[2.2.6]
CĐR2.4	Viết được các đoạn văn ngắn khoảng 50 - 80 từ về các chủ đề: Giới thiệu bản thân, giới thiệu gia đình, miêu tả đồ vật, học tập, hoạt động một ngày, mua đồ (đồ ăn, đồ uống, quần áo), miêu tả đồ vật.	3	[2.2.6]
CĐR2.5	Giao tiếp lưu loát bằng tiếng Trung về các chủ đề giao tiếp trong học phần.	3	[2.2.6]
<b>CĐR3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phân tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.	3	[2.3.1]
CĐR3.3	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học.	3	[2.3.1]

### 10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần															
		CDR1								CDR2					CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	第一课：你好	3	3	3						3	3	3		3	3	3	3
2	第二课：汉语不太难	3	3	3						3	3	3		3	3	3	3
3	第三课：明天见		3	3						3	3	3		3	3	3	3
4	第四课：你去哪儿		3	3						3	3	3		3	3	3	3
5	第五课：这是王老师		3	3						3	3	3		3	3	3	3
6	第六课：我学习汉语		3	3						3	3	3	3	3	3	3	3
7	第七课：你吃什么		3	3						3	3	3		3	3	3	3
8	第八课：苹果一斤多少钱		3	3						3	3	3		3	3	3	3
9	第九课：这个箱子很重		3	3						3	3	3		3	3	3	3
10	第十课：他住哪儿		3	3		3		3		3	3	3	3	3	3	3	3
11	第十一课：我们都是留学生		3	3	3		3			3	3	3		3	3	3	3
12	第十二课：你在哪儿学习		3	3	3		3			3	3	3	3	3	3	3	3
13	第十三课：这是不是中药		3	3	3		3	3		3	3	3		3	3	3	3
14	第十四课：你的车是新的还是旧的		3	3	3	3				3	3	3	3	3	3	3	3
15	第十五课：你们公司有多少职员		3	3	3		3	3		3	3	3	2	3	3	3	3

## 11. Đánh giá học phần

### 11.1. Ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá (Hình thức, thời gian, thời điểm)	CĐR của học phần			Ghi chú
					CĐR1	CĐR2	CĐR3	
1	Điểm kiểm tra thường xuyên	1 điểm	20%	- Đánh giá thái độ tham gia thảo luận. - Đánh giá bài tập cá nhân. - Đánh giá chuyên cần.	CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR1.7, CĐR1.8.	CĐR2.1, CĐR2.2.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	Tự luận (90 phút).	CĐR1.3, CĐR1.4,	CĐR2.1, CĐR2.2.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	
3	Điểm thi kết thúc học phần	1 điểm	50%	Trắc nghiệm kết hợp (90 phút).	CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR1.7, CĐR1.8.	CĐR2.1, CĐR2.2.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	

### 11.2. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

## 12. Yêu cầu học phần

- Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút.

### 13. Tài liệu phục vụ học phần

#### - Tài liệu chính:

[1] - Dương Ký Châu (2007), *Giáo trình Hán ngữ (tập 1, quyển thượng)*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

#### - Tài liệu tham khảo:

[3] - Khương Lê Bình (2018), *Giáo trình HSK 1*, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

### 14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
1	<p>第一课：你好</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Phát âm đúng các thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu.</li><li>- Viết đúng các nét cơ bản và biến thể.</li><li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li><li>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</li><li>- Hội thoại chào hỏi, hỏi thăm sức khỏe.</li></ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>一、课文</li><li>二、生词</li><li>三、语音</li><li>四、注释</li><li>五、练习</li></ul>	4 (4LT,0TH)	<p><b>Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức lớp học theo cặp, nhóm</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Giảng giải làm rõ cách phát âm thanh mẫu, vận mẫu, cách viết các nét cơ bản và biến thể của chữ Hán.</li><li>+ Phát âm mẫu, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu.</li><li>+ Hướng dẫn sinh viên viết đúng các nét cơ bản và các nét biến thể.</li><li>+ Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</li><li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li></ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 1 - 12. [3]: Trang 14 - 19.</li><li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li><li>+ Luyện phát âm, đặt câu, suy nghĩ, trình bày kết quả.</li><li>+ Hoàn thành bài tập: [1]: Trang 10 - 12.</li></ul>	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
2	<p>第二课：汉语不太难</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày quy tắc viết phiên âm và biến điệu trong tiếng Hán.</li> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</li> <li>- Hội thoại hỏi đáp việc học tiếng Hán.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>一、课文</li> <li>二、生词</li> <li>三、语音</li> <li>四、注释</li> <li>五、练习</li> </ul>	4 (4LT,0TH)	<p><b>Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức lớp học theo cặp, nhóm</b></p> <p>- <b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảng giải quy tắc viết phiên âm và biến điệu trong tiếng Hán; làm rõ cách viết, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.</li> <li>+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</li> <li>+ Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li> </ul> <p>- <b>Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 13 - 18.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm, đặt câu, suy nghĩ, trình bày kết quả.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập: [1]: Trang 16 - 18.</li> </ul>	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.
3	<p>第三课：明天见</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</li> <li>- Hội thoại chào tạm biệt.</li> <li>- Biết đáp lại lời xin lỗi.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>一、课文</li> </ul>	4 (4LT,0TH)	<p><b>Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức lớp học theo cặp, nhóm</b></p> <p>- <b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.</li> <li>+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</li> <li>+ Giao bài tập và hướng dẫn</li> </ul>	CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.



T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	二、生词 三、语音 四、注释 五、练习		sinh viên làm bài tập. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - <b>Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 19 - 27. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, ghi chép bài. + Luyện phát âm, đặt câu, suy nghĩ, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập: [1]: trang 24 - 27.	
4	<b>第四课： 你去哪儿？</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại hỏi địa điểm. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	4 (4LT,0TH)	<b>Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức lớp học theo cặp, nhóm</b> - <b>Giảng viên:</b> + Giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. - <b>Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 28 - 36. [3]: Trang 20 - 25. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm, đặt câu, suy nghĩ, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập:	CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
			[1]: trang 33 - 36.	
5	<p>第五课: 这是王老师</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</li> <li>- Hội thoại giới thiệu người khác hoặc đồ vật.</li> <li>- Trình bày các từ vựng về chủ đề giới thiệu.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>一、课文</li> <li>二、生词</li> <li>三、语音</li> <li>四、注释</li> <li>五、练习</li> </ul>	4 (4LT,0TH)	<p><b>Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức lớp học theo cặp, nhóm</b></p> <p>- <b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.</li> <li>+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</li> <li>+ Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li> </ul> <p>- <b>Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 37 - 45.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm, đặt câu, suy nghĩ, trình bày kết quả.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập: [1]: Trang 41 - 44.</li> </ul>	CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3. CDR3.3.
6	<p>第六课: 我学习汉语</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</li> <li>- Hội thoại giới thiệu bản thân, hỏi họ tên.</li> <li>- Liệt kê họ thường gặp ở</li> </ul>	4 (4LT,0TH)	<p><b>Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức lớp học theo cặp, nhóm</b></p> <p>- <b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.</li> <li>+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</li> </ul>	CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

<b>T T</b>	<b>Nội dung giảng dạy</b>	<b>Số giờ</b>	<b>Phương pháp dạy - học</b>	<b>CDR học phần</b>
	<p>Trung Quốc và Việt Nam. - Viết đoạn văn giới thiệu bản thân mình.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习</p>		<p>+ Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</p> <p>- <b>Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 46 - 55. [3]: Trang 26 - 32. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm, đặt câu, suy nghĩ, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập: [1]: Trang 51-55.</p>	
7	<p><b>第七课: 你吃什么?</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại cách gọi món trong nhà ăn. - Trình bày được tên một số đồ ăn, đồ uống.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、练习</p>	4 (4LT,0TH)	<p><b>Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức lớp học theo cặp, nhóm</b> - <b>Giảng viên:</b> + Giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</p> <p>- <b>Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 56 - 62. [3]: Trang 68 - 69. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</p>	CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
			+ Luyện phát âm, đặt câu, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập: [1]: Trang 59 - 62.	
8	<b>第八课: 苹果一斤多少钱</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Hội thoại chủ đề mua trái cây ở cửa hàng trái cây. - Trình bày được tên một số loại trái cây và cách nói hỏi đáp tiền trong tiếng Trung. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语音 五、练习 <b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	4 (2LT,0TH, 2KT)	<b>Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức lớp học theo cặp, nhóm</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 63 - 69. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm, đặt câu, suy nghĩ, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 66 - 69. + Làm bài kiểm tra.	CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.
9	<b>第九课: 我换人民币</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.	4 (4LT,0TH)	<b>Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức lớp học theo cặp, nhóm</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn	CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.5, CDR3.1,

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</li> <li>- Hội thoại chủ đề đôi tiên.</li> <li>- Trình bày tên một số loại tiên bằng tiếng Trung.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>一、课文</li> <li>二、生词</li> <li>三、注释</li> <li>四、语音</li> <li>五、练习</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.</li> <li>+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</li> <li>+ Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu:</li> <li>[1]: Trang 70 - 75.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm, đặt câu, suy nghĩ, trình bày kết quả.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập:</li> <li>[1]: Trang 73 - 75.</li> </ul>	CDR3.2, CDR3.3.
10	<p><b>第十课: 他住哪儿?</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</li> <li>- Liệt kê được tên sáu thành phần câu tiếng Trung.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu vị ngữ động từ, cách diễn đạt địa chỉ, số điện thoại trong tiếng Trung.</li> <li>- Hội thoại về nơi ở, hỏi số điện thoại.</li> <li>- Viết đoạn văn giới thiệu thông tin cá nhân.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p>	4 (4LT,0TH)	<p><b>Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức lớp học theo cặp, nhóm</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa.</li> <li>+ Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.</li> <li>+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</li> <li>+ Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm hiện tượng ngữ pháp trong bài.</li> <li>+ Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</li> </ul>	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.5, CDR1.7, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

<b>T T</b>	<b>Nội dung giảng dạy</b>	<b>Số giờ</b>	<b>Phương pháp dạy - học</b>	<b>CDR học phần</b>
	一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 (一) 汉语句子的语序 (二) 动词谓语句 (三) 号码的读法 五、练习		<b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 76 - 85. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm, đặt câu, suy nghĩ, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập: [1]: trang 82 - 85.	
<b>11</b>	<b>第十一课: 我们都是留学生</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Trình bày được đặc điểm cách dùng: Câu hỏi dùng 吗, thành phần trạng ngữ, phó từ 也 và 都. - Hội thoại về giới thiệu người khác. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、生词 三、语法 (一) 怎么问: ...吗? (二) 状语 (三) 副词“也”和“都” 四、语音 五、练习	4 (4LT,0TH)	<b>Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức lớp học theo cặp, nhóm</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 86 - 97. [3]: Trang 76 - 78. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm, đặt câu, suy	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.6, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
			nghĩ, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập: [1]: Trang 93 - 97.	
12	<b>第十二课: 你在哪儿学习</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc, dịch lưu loát bài đọc. - Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu hỏi dùng đại từ nghi vấn, định ngữ và trợ từ kết cấu 的, cấu trúc giới từ 在 và 给. - Hội thoại giới thiệu về thầy cô, trường lớp, môn học. - Viết đoạn văn giới thiệu trường, lớp. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、生词 三、语法 (一) 疑问代词 (二) 定语和结构助词“的” (三) 介词“在”和“给” 四、语音 五、练习	4 (4LT,0TH)	<b>Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức lớp học theo cặp, nhóm</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa. + Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm. + Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc. + Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm hiện tượng ngữ pháp trong bài. + Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 98 - 109. [3]: Trang 76 - 78. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm, đặt câu, suy nghĩ, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập: [1]: Trang 104 - 109.	
13	<b>第十三课: 这是不是中药</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.	4 (4LT,0TH)	<b>Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức lớp học theo cặp, nhóm</b> <b>- Giảng viên:</b> + Giảng giải làm rõ cách viết	

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>- Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</p> <p>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</p> <p>- Liệt kê được các đồ vật thường dùng hằng ngày bằng tiếng Trung.</p> <p>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu vị ngữ hình dung từ, câu hỏi chính phủ, cụm từ 的.</p> <p>- Hội thoại hỏi đáp về đồ dùng hàng ngày.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法</p> <p>（一）形容词谓语句</p> <p>（二）正反问句</p> <p>（三）“的” 字词组</p> <p>五、语音</p> <p>六、练习</p>		<p>chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa.</p> <p>+ Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.</p> <p>+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</p> <p>+ Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm hiện tượng ngữ pháp trong bài.</p> <p>+ Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</p> <p>- <b>Sinh viên:</b></p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 110 - 122. [3]: Trang 36, 54.</p> <p>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</p> <p>+ Luyện phát âm, đặt câu, suy nghĩ, trình bày kết quả.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập: [1]: Trang 119 - 121.</p>	
14	<p><b>第十四课: 你的车是新的还是旧的?</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <p>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</p> <p>- Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</p> <p>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu vị ngữ chủ vị,</p>	4 (4LT,0TH)	<p><b>Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức lớp học theo cặp, nhóm</b></p> <p>- <b>Giảng viên:</b></p> <p>+ Giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa.</p> <p>+ Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.</p> <p>+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</p>	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2,



T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>câu hỏi dùng 呢, câu hỏi lựa chọn dùng 还是.</p> <p>- Giới thiệu được về một đồ vật mà mình yêu thích.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法</p> <p>(一) 主语谓语句 (1)</p> <p>(二) 选择问句: ...还是...?</p> <p>(三) 省略问句: "...呢"</p> <p>五、语音</p> <p>六、练习</p>		<p>+ Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm hiện tượng ngữ pháp trong bài.</p> <p>+ Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</p> <p>- <b>Sinh viên:</b></p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 124 -136. [3]: Trang 36, 103 - 104.</p> <p>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</p> <p>+ Luyện phát âm, đặt câu, suy nghĩ, trình bày kết quả.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập: [1]: Trang 131 - 136.</p>	CDR3.3.
15	<p><b>第十五课: 你们公司有多少职员</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <p>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</p> <p>- Nhớ mặt chữ Hán, đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</p> <p>- Đọc, dịch lưu loát bài đọc.</p> <p>- Trình bày được các từ chỉ thành viên trong gia đình và từ chỉ nghề nghiệp.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm, cách dùng: Câu chữ 有, cụm từ số lượng, từ hỏi số lượng 几 và 多少.</p> <p>- Giới thiệu được về gia đình.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p>	4 (4LT,0TH)	<p><b>Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức lớp học theo cặp, nhóm</b></p> <p>- <b>Giảng viên:</b></p> <p>+ Giảng giải làm rõ cách viết chữ Hán, nghĩa từ vựng, lấy ví dụ minh họa.</p> <p>+ Phát âm mẫu, hướng dẫn luyện phát âm, đặt câu với từ trọng điểm.</p> <p>+ Đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc.</p> <p>+ Trình chiếu, thuyết trình làm rõ cách dùng, cấu trúc, đặc điểm hiện tượng ngữ pháp trong bài.</p> <p>+ Giao bài tập và hướng dẫn sinh viên làm bài tập.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả</p>	CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR1.7, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

T T	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 (一) “有” 字句 (二) 称数法 (三) 询问数量 (四) 数量词组 五、语音 六、练习		trình bày của sinh viên. - <b>Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 137 - 150. [3]: Trang 84 - 86. + Luyện phát âm, đặt câu, suy nghĩ, trình bày kết quả. + Hoàn thành bài tập: [1]: Bài 13, trang 119 - 121.	

Hải Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG  
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG




TRƯỜNG  
 ĐẠI HỌC  
 SAO ĐỎ



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn

TRƯỜNG KHOA



Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỜNG BỘ MÔN



Nguyễn Thị Hoa